

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 61/LĐTBXH-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 1988

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

SỐ 61/LĐTBXH-QĐ NGÀY 3-3-1988

BAN HÀNH BẢN DANH MỤC SỐ 2 CÁC CHỨC DANH

ĐẦY ĐỦ VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 36-CP ngày 2-2-1980 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị số 277-TTg ngày 1-10-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức vụ viên chức Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành bản danh mục số 1 các chức vụ viên chức Nhà nước;

Căn cứ điểm 2 Chỉ thị số 124-HĐBT ngày 7-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về việc uỷ nhiệm Bộ trưởng Bộ Lao động (nay là Bộ Lao động - Thương binh và xã hội) ban hành chức danh đầy đủ cho các ngành;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế và kết luận của cuộc họp thường trực Tiểu ban xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức Nhà nước ngày 16-12-1987,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành bản danh mục số 2 các chức danh đầy đủ các chức vụ viên chức ngành Y tế bao gồm 137 chức danh. Trong đó:

- Nhóm 9: viên chức lãnh đạo quản lý gồm 9 chức danh.
- Nhóm 8: viên chức lãnh đạo quản lý gồm 8 chức danh.
- Nhóm 7: viên chức chuyên môn gồm 100 chức danh.
- Nhóm 3: viên chức chuyên môn gồm 6 chức danh
- Nhóm 1: viên chức thực hành nghiệp vụ và kỹ thuật gồm 2 chức danh.

(Có bản danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào bản danh mục này, Bộ Y tế tiến hành xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ theo điểm 3 của Chỉ thị số 124-HĐBT ngày 7-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng và tổ chức hướng dẫn thực hiện hệ thống chức danh viên chức này trong toàn ngành nhằm đem lại hiệu quả thiết thực, làm cho bộ máy gọn nhẹ, tăng cường hiệu lực quản lý trên mọi mặt công tác.

Điều 3. Các tiêu chuẩn nghiệp vụ của chức danh đầy đủ theo Quyết định này do Bộ trưởng Bộ Y tế ra quyết định ban hành (sau khi đã thoả thuận với Bộ Lao động - Thương binh và xã hội) hướng dẫn ứng dụng thử nghiệm và tiếp tục hoàn thiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các văn bản trước đây trái với văn bản này đều bãi bỏ.

Điều 5. Bộ trưởng Bộ Y tế và các Bộ có liên quan, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và cơ sở có sử dụng các chức danh viên chức ngành Y tế có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BẢN DANH MỤC SỐ 2

CHỨC DANH ĐẦY ĐỦ VIÊN CHỨC THUỘC LĨNH VỰC

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BỘ Y TẾ

1. Nội dung bản danh mục số 2 Ngành Y tế

Căn cứ Quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng và các quy định trong bản danh mục số 1 (chức danh gốc) đã ban hành; bản danh mục số 2 chức danh đầy đủ các viên chức quản lý ngành y tế được ban hành theo Quyết định số 61-LĐ/QĐ ngày 3-3-1988 bao gồm 137 chức danh. Cụ thể như sau

Nhóm 9: gồm 9 chức danh

Nhóm 8: gồm 8 chức danh

Nhóm 7: gồm 100 chức danh

Nhóm 3: gồm 6 chức danh

Nhóm 1: gồm 2 chức danh

2. Quy định sử dụng

Dựa theo quy định về phạm vi sử dụng đối với mỗi chức danh ghi trong bản danh mục số 2 các chức danh đầy đủ viên chức quản lý ngành Y tế, Bộ Y tế tiến hành xây dựng tiêu chuẩn

ng nghiệp vụ và hướng dẫn cho các đơn vị áp dụng. Mỗi chức danh đầy đủ được sử dụng trong thực tế phải có nội dung lao động đúng với luận chứng khoa học đã nghiên cứu khi hình thành các chức danh đó và Bộ Y tế hướng dẫn nội dung cho từng đơn vị, từng viên chức. Khi có trường hợp thay đổi các nội dung lao động, cơ quan chủ quản phải báo cáo với Bộ Y tế và được sự thống nhất của Bộ Lao động (nay là Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, theo điều 2 của Quyết định số 117-HĐBT ngày 15-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng) về sự sửa đổi hoặc ngoại lệ.

3. Bảng danh mục số 2 các chức danh đầy đủ của viên chức ngành Y tế

Số TT	Nhóm	Chức danh	Mã số gốc	Chức danh đầy đủ	Phạm vi sử dụng
1	2	3	4	5	6
1	9	Tổng giám đốc	9130	Tổng Giám đốc Tổng Công ty trang thiết bị và công trình y tế	Tổng công ty trang thiết bị và công trình y tế - Bộ Y tế
2		Giám đốc	9080	Giám đốc Công ty trang thiết bị kỹ thuật y tế tỉnh, thành phố	Các Công ty trang thiết bị kỹ thuật y tế tỉnh, thành phố
4			9080	Giám đốc nhà máy y cụ	Nhà máy y cụ
5			9080	Giám đốc Công ty xây dựng và sửa chữa công trình y tế	Công ty xây dựng và sửa chữa công trình y tế
6			9080	Giám đốc nhà máy cao su y tế	Nhà máy cao su y tế
7			9080	Giám đốc xí nghiệp sản xuất và sửa chữa thiết bị y	Xí nghiệp sản xuất và sửa chữa

				tế	thiết bị y tế
8		Hiệu trưởng Viện trưởng	9090	Hiệu trưởng trường công nhân kỹ thuật y tế	Trường công nhân kỹ thuật y tế
9			9190	Viện trưởng Viện nghiên cứu trang thiết bị và công trình y tế	Viện trang thiết bị và công trình y tế
10		Giám đốc	9080	Giám đốc trung tâm tâm thần Việt Nam	Trung tâm tâm thần Việt Nam
11	8	Trưởng ban	8170	Trưởng ban thanh tra Bộ Y tế	Cơ quan Bộ Y tế, các Sở Y tế
12		Trưởng kho	8280	Trưởng kho trang thiết bị kỹ thuật y tế	Các kho trang thiết bị kỹ thuật y tế
12			8280	Trưởng kho thuốc	Các kho thuốc
14		Trưởng phòng	8310	Trưởng phòng Hành chính tổng hợp	Các cơ sở y tế
15			8310	Trưởng phòng nghiên cứu thử thuốc từ dược liệu	Viện Dược liệu
16			8310	Trưởng phòng cung ứng	Các cơ sở sản xuất kinh doanh
17	8	Trưởng phòng	8310	Trưởng phòng giao nhận hàng y tế	Các Công ty trang thiết bị kỹ thuật y tế và Công ty giao nhận hàng y tế

18			8310	Trưởng phòng xây dựng công trình y tế	Tổng Công ty trang thiết bị kỹ thuật và công trình y tế
19		Trưởng trạm	8340	Trưởng trạm tâm thần	Các trạm tâm thần
20		Vụ trưởng	8390	Vụ trưởng Vụ Lao động tiền lương	Cơ quan Bộ Y tế
21			8390	Vụ trưởng Vụ hợp tác quốc tế về y tế	Cơ quan Bộ Y tế
22			8390	Vụ trưởng Vụ trang thiết bị kỹ thuật và công trình y tế	Cơ quan Bộ Y tế
23		Trưởng bộ môn	Chưa có chức danh gốc	Trưởng bộ môn thống kê y tế	Các bộ môn thống kê y tế
24				Trưởng Bộ môn kinh tế và kế hoạch y tế	Trưởng Cán bộ quản lý ngành y tế
25			Chưa có mã số	Trưởng bộ môn tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh ngành y tế	Trưởng cán bộ quản lý ngành y tế
26				Trưởng bộ môn tổ chức quản lý phòng bệnh chữa bệnh	- nt -
27				Trưởng bộ môn vệ sinh	Trưởng cán bộ